TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **21**/2021/DS-ST Ngày 18-3-2021 V/v tranh chấp "Tiền hụi và hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp;

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Tiền hụi và hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị D, sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã N, huyện U, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã N, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị D trình bày: Bà có mở một số dây hụi, bà Trần Thị N có tham gia hụi do bà làm chủ tổng cộng là 6 dây, gồm dây hụi mở ngày 02/10/2018 âm lịch loại hụi 1.000.000 đồng, có 31 chân, bà N tham gia 1 chân hốt đầu; hụi mở 20/8/2017 âm lịch loại hụi 1.000.000 đồng, có 33 chân, bà N tham gia hai chân; hụi mở ngày 01/5/2018 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, có 35 chân bà N tham gia 02 chân; hụi mở ngày 06/6/2017 âm lịch loại hụi 500.000 đồng có 24 chân, bà N tham gia 01 chân; dây hụi mở ngày 15/4/2017 âm lịch, có 26 chân, loại hụi 1.000.000 đồng, bà N tham gia 01 chân; dây hụi mở ngày

10/01/2018 âm lịch có 22 chân, loại hụi 1.000.000 đồng, bà N tham gia 01 chân. Tất cả các dây hụi này bà N đã kêu hốt, bà đã giao tiền cho bà N xong.

Sau khi hốt hụi bà N đã đóng hụi đến tháng 10/2018 âm lịch, từ tháng 11/2018 âm lịch thì không đóng cho đến nay. Ngoài ra, vào tháng 4 năm 2018 vay thêm là 10.000.000 đồng và vào tháng 6 năm 2018 mượn thêm số tiền là 32.000.000 đồng. Bà có yêu cầu bà N trả tiền nhiều lần nhưng bà N cứ hẹn mà không trả.

Sau đó, bà có khởi kiện bà N đến Tòa án nhân dân huyện U Minh, bà N có làm cam kết trả tiền hụi và tính tiền hụi trong tờ cam kết tổng cộng là 107.000.000 đồng (trong đó hụi chết bà đã trả thay là 86.000.000 đồng và hụi chết còn lại đến khi mãn hụi là 21.000.0000 đồng), tiền vay 10.000.000 đồng, tiền mượn 32.000.000 đồng. Do bà N làm cam kết nên bà đã rút đơn khởi kiện. Sau đó, bà N không trả tiền cho bà như cam kết nên bà khởi kiện lại yêu cầu buộc bà N phải trả tiền hụi bà đã đóng thay là 96.000.000 đồng, tiền mượn và tiền vay 42.000.000 đồng, tổng cộng 138.000.000 đồng, số tiền hụi còn thiếu lại hiện đã mãn là 10.000.000 đồng nhưng tại thời điểm bà khởi kiện chưa đến hạn nên bà sẽ yêu cầu sau.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đac chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466, 468, 471 Bộ luật dân sự, Nghị định số 144/2006 về hụi họ biêu phường chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D đối với bà N, buộc bà N trả cho bà D tiền hụi còn thiếu là 96.000.000 đồng, tiền vay là 42.000.000 đồng; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, án phí, đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Dương Thị D yêu cầu bà Trần Thị N trả tiền hụi, tiền vay, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về tiền hụi và hợp đồng vay, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị N đã được triệu tập hợp lệ (con trai nhận thay) nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị N.

[2] Về nội dung: Bà N đối với yêu cầu của bà D về việc trả tiền hụi và tiền vay không có ý kiến phản đối. Tại bản cam kết có bên làm cam kết ký tên Trần Thị N thể hiện "bà N có chơi 6 chân hụi của bà Dương Thị D với số tiền phải trả là 86.000.000 đồng, 32.000.000 đồng tiền mượn và 10.000.000 đồng tiền vay, hứa trong 3 tháng trả trước 42.000.000 đồng, còn lại 86.000.000 trả từ từ, mỗi

tháng ít nhất 1 triệu, còn lại 2 chân là 21 triệu, tổng cộng là 107 triệu". Do đó, căn cứ vào lời trình bày của bà D, danh sách hụi, tờ cam kết do bà D cung cấp, Hội đồng xét xử căn cứ xác định bà N có tham gia hụi và còn thiếu tiền hụi tổng cộng là 107.000.000 đồng, và có vay tiền, còn thiếu tiền vay, mượn tổng cộng 42.000.000 đồng, do tại thời điểm khởi kiện có một số dây hụi chưa mãn, bà D chỉ yêu cầu bà N trả tiền hụi đã đến hạn, tổng cộng là 96.000.000 đồng và tiền vay 42.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Trần Thị N trả cho bà Dương Thị D tiền hụi 96.000.000 đồng, tiền vay 42.000.000 đồng, tổng cộng là 138.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu án phí là 138.000.000 đồng x 5% = 6.900.000 đồng. Yêu cầu của bà D được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 144; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị D về việc đòi tiền hụi, tiền vay đối với bà Trần Thị N. Buộc bà Trần Thị N trả cho bà Dương Thị D số tiền hụi tiền còn thiếu là 96.000.000 đồng, tiền vay còn thiếu là 42.000.000 đồng, tổng cộng là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Án phí bà Dương Thị D không phải chịu, hoàn trả cho bà Dương Thị D tạm ứng án phí đã nộp số tiền 3.450.000 (Ba triệu, bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0005250 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.900.000 (Sáu triệu, chín trăm ngàn) đồng.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng